

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN CẢNG QUY NHƠN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Chủ tịch	25/4/2019	
Ông Nguyễn Tín Dân	Thành viên	21/4/2017	
Ông Phạm Văn Thành	Thành viên	25/4/2019	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Kim Toàn	Trưởng ban	21/4/2017	
Ông Trịnh Xuân Sơn	Thành viên	21/4/2017	
Ông Trần Hữu Hiếu	Thành viên	21/4/2017	
<u>Ban điều hành, quản lý</u>			
Ông Phạm Văn Thành	Giám đốc	21/4/2017	
Ông Mai Quang Cường	Kế toán trưởng	21/4/2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Phạm Văn Thành, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



PHẠM VĂN THÀNH - Giám đốc

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2021, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.186.308.036	19.988.150.438
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.263.077.358	3.672.006.528
1. Tiền	111		63.077.358	22.006.528
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.200.000.000	3.650.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	12.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	12.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.917.775.288	4.015.909.628
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.709.689.124	3.874.220.586
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		89.490.000	44.490.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	118.596.164	97.199.042
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.455.390	234.282
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	5.455.390	234.282
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		149.052.410.233	153.423.293.233
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		147.203.023.358	147.566.317.441
Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	147.203.023.358	147.566.317.441
<i>Nguyên giá</i>	222		187.584.997.864	182.831.544.976
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(40.381.974.506)	(35.265.227.535)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		300.423.755	406.499.209
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.5	300.423.755	406.499.209
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.548.963.120	5.450.476.583
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	1.446.413.296	5.450.476.583
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.7	102.549.824	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		175.238.718.269	173.411.443.671

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.056.269.880	13.331.791.693
I. Nợ ngắn hạn	310		5.756.269.880	13.031.791.693
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	752.412.613	760.492.613
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.191.618.359	1.431.879.639
3. Phải trả người lao động	314		183.037.687	154.927.197
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	2.441.391.727	2.435.991.727
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	15.183.116	85.824.007
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	7.190.462.397
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	1.172.626.378	972.214.113
II. Nợ dài hạn	330		300.000.000	300.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	300.000.000	300.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.182.448.389	160.079.651.978
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	169.182.448.389	160.079.651.978
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		107.922.750.000	107.922.750.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>107.922.750.000</i>	<i>107.922.750.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.158.124.713	26.945.272.141
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.101.573.676	25.211.629.837
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>27.101.573.676</i>	<i>25.211.629.837</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		175.238.718.269	173.411.443.671

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2021



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÁU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	40.376.872.035	39.918.533.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		40.376.872.035	39.918.533.913
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.083.800.871	10.101.341.817
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.293.071.164	29.817.192.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	859.162.970	720.454.597
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	201.474.389	1.582.044.236
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		201.474.389	1.582.044.236
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.788.464.616	2.541.988.552
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.162.295.129	26.413.613.905
11. Thu nhập khác	31		-	142.440.660
12. Chi phí khác	32		77.186.331	-
13. Lợi nhuận khác	40		(77.186.331)	142.440.660
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.085.108.798	26.556.054.565
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	1.086.084.946	1.344.424.728
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.7	(102.549.824)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.101.573.676	25.211.629.837
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7a	2.438	2.268
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7b	2.438	2.268

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2021



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.085.108.798	26.556.054.565
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.282.640.975	5.143.184.878
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	VII	(781.976.639)	(720.454.597)
- Chi phí lãi vay	06		201.474.389	1.582.044.236
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.787.247.523	32.560.829.082
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		184.951.245	(850.409.941)
- (Giảm)/ Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(14.244.606)	(417.815.018)
- Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước	12		4.004.063.287	4.058.817.152
- Tiền lãi vay đã trả	14		(201.474.389)	(1.582.044.236)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.357.312.021)	(917.172.643)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(530.725.000)	(517.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.872.506.039	32.334.654.396
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.890.457.769)	(73.454.545)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.100.000.000)	(12.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.400.000.000	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	837.765.848	684.815.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.247.308.079	(6.688.638.716)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.190.462.397)	(13.600.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.338.280.891)	(17.286.367.791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.528.743.288)	(30.886.367.791)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		18.591.070.830	(5.240.352.111)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.672.006.528	8.912.358.639
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.I	22.263.077.358	3.672.006.528

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2021



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000182 ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ ba số 4100694020 vào ngày 13 tháng 7 năm 2020.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 ngày 26 tháng 10 năm 2009 về việc đầu tư dự án: Xây dựng công trình cầu cảng Container 30.000DWT - Cảng Quy Nhơn. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi đến lần thứ hai ngày 5 tháng 9 năm 2014 về việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 10.792.275 cổ phiếu niêm yết tương ứng 107.922.750.000 VND. Ngày 23 tháng 9 năm 2016, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đã chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Hà Nội với mã chứng khoán là QSP.

• **Vốn điều lệ** : 107.922.750.000 VND

Số cổ phiếu : 10.792.275 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	16,68%
2	Cổ đông khác	8.992.275	89.922.750.000	83,32%
	Cộng	10.792.275	107.922.750.000	100,00%

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại : (84 - 256) 3 893239

Fax : (84 - 256) 3 893888

Mã số thuế : 4 1 0 0 6 9 4 0 2 0

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh bốc xếp);

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho cảng);

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: kinh doanh kho bãi);

Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải thủy và bộ, dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: dịch vụ lai dắt tàu biển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền cho thuê kho bãi, cho thuê cầu cảng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 40
Máy móc thiết bị	6

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí thực hiện nạo vét duy tu khu nước trước bến.

Chi phí nạo vét duy tu khu nước trước bến là chi phí phát sinh trong quá trình khảo sát, lập thiết kế, dự toán, chi phí xây dựng, tiền thuê khu vực biển... và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thực hiện nạo vét duy tu khu nước trước bến được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm cổ tức và lợi nhuận phải trả, các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ và các khoản phải trả khác.

11. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.576.053	7.496.520
Tiền gửi ngân hàng	60.501.305	14.510.008
Các khoản tương đương tiền (i)	22.200.000.000	3.650.000.000
Cộng	22.263.077.358	3.672.006.528

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn với lãi suất 3,3%/năm đến 3,7%/năm (năm 2019: 4,5%/năm đến 5,3%/năm).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (*)	2.731.775.860	2.731.775.860
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	610.043.346	559.801.638
Công ty TNHH Hào Hưng Long An	367.869.918	582.643.088
Cộng	3.709.689.124	3.874.220.586

(*) Đây là công nợ đối với bên liên quan, xem Thuyết minh số VIII.2

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi	118.596.164	-	97.199.042	-
Cộng	118.596.164	-	97.199.042	-

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Cộng
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Nguyên giá					
Số đầu năm	182.788.454.067	-	43.090.909	-	182.831.544.976
Tăng trong năm	4.996.533.223	-	-	-	4.996.533.223
<i>Đầu tư XD/CB hoàn thành</i>	4.996.533.223	-	-	-	4.996.533.223
Giảm trong năm	243.080.335	-	-	-	243.080.335
<i>Thanh lý trong năm</i>	243.080.335	-	-	-	243.080.335
Số cuối năm	187.541.906.955	-	43.090.909	-	187.584.997.864
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	35.234.788.432	-	30.439.103	-	35.265.227.535
Tăng trong năm	5.275.459.157	-	7.181.818	-	5.282.640.975
<i>Khấu hao trong năm</i>	5.275.459.157	-	7.181.818	-	5.282.640.975
Giảm trong năm	165.894.004	-	-	-	165.894.004
<i>Thanh lý trong năm</i>	165.894.004	-	-	-	165.894.004
Số cuối năm	40.344.353.585	-	37.620.921	-	40.381.974.506
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	147.553.665.635	-	12.651.806	-	147.566.317.441
Số cuối năm	147.197.553.370	-	5.469.988	-	147.203.023.358

Nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm nhà trực cầu cảng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 45.564.909 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 45.564.909 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đầu tư xây dựng văn phòng làm việc	-	106.075.454
Hạng mục công trình san lấp tạo bãi đợt 2	300.423.755	300.423.755
Cộng	300.423.755	406.499.209

6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí dụng cụ văn phòng	88.435.556	-
Chi phí nạo vét duy tu khu nước trước bến	1.357.977.740	5.450.476.583
Cộng	1.446.413.296	5.450.476.583

7. Thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận theo các khoản chênh lệch của chi phí trả trước tạm thời được khấu trừ phát sinh trong năm và các năm trước, như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	102.549.824	-
Số cuối năm	102.549.824	-

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	33.046.613	33.046.613	33.046.613	33.046.613
Công ty TNHH VTB Cửu Long	719.366.000	719.366.000	719.366.000	719.366.000
Công ty Cổ phần TV ĐT và XD Nguyễn Phú	-	-	8.080.000	8.080.000
Cộng	752.412.613	752.412.613	760.492.613	760.492.613

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	956.956.173	3.499.461.794	3.459.241.107	997.176.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp	457.312.021	1.086.084.946	1.357.312.021	186.084.946
Thuế thu nhập cá nhân	17.377.163	753.293.843	767.769.843	2.901.163

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
<i>Thuế thu nhập các nhân phải nộp</i>	17.611.445	753.293.843	762.548.735	8.356.553
<i>Thuế thu nhập các nhân phải thu (*)</i>	(234.282)	-	5.221.108	(5.455.390)
Tiền thuê đất	-	698.820.204	698.820.204	-
Các loại thuế khác	-	12.955.781	12.955.781	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế đất phi nông nghiệp</i>	-	9.955.781	9.955.781	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	30.856.363	30.856.363	-
Cộng	1.431.645.357	6.081.472.931	6.326.955.319	1.186.162.969

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	234.282	5.455.390
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>1.431.879.639</u>	<u>1.191.618.359</u>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.6

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	135.600.000	130.200.000
Chi phí công trình	2.305.791.727	2.305.791.727
Cộng	2.441.391.727	2.435.991.727

11. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	15.183.116	85.824.007
Cổ tức phải trả cho cổ đông	15.183.116	85.824.007
b) Dài hạn	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần TMDV Công Thành	300.000.000	300.000.000
Cộng	315.183.116	385.824.007

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả nợ vay	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn đến hạn trả	7.190.462.397	7.190.462.397	-	(7.190.462.397)	-	-
Cộng	7.190.462.397	7.190.462.397	-	(7.190.462.397)	-	-

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	972.214.113	785.409.641
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm	731.137.265	704.354.472
Chi các quỹ trong năm	(530.725.000)	(517.550.000)
Số cuối năm	1.172.626.378	972.214.113

14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước				
Số đầu năm	107.922.750.000	20.630.369.982	24.288.085.226	152.841.205.208
Lãi trong năm	-	-	25.211.629.837	25.211.629.837
Trích lập các quỹ	-	6.314.902.159	(7.019.256.631)	(704.354.472)
Chia cổ tức	-	-	(17.268.828.595)	(17.268.828.595)
Số cuối năm	107.922.750.000	26.945.272.141	25.211.629.837	160.079.651.978
Năm nay				
Số đầu năm	107.922.750.000	26.945.272.141	25.211.629.837	160.079.651.978
Lãi trong năm	-	-	27.101.573.676	27.101.573.676
Trích lập các quỹ	-	7.212.852.572	(7.943.989.837)	(731.137.265)
Chia cổ tức	-	-	(17.267.640.000)	(17.267.640.000)
Số cuối năm	107.922.750.000	34.158.124.713	27.101.573.676	169.182.448.389

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 107.922.750.000 VND đã được góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	16,68%	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	89.922.750.000	83,32%	89.922.750.000	89.922.750.000
Cộng	107.922.750.000	100,00%	107.922.750.000	107.922.750.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.792.275	10.792.275
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức cho các cổ đông	17.267.640.000	17.268.828.595
Trích quỹ đầu tư phát triển	7.212.852.572	6.314.902.159
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	731.137.265	704.354.472
Cộng	25.211.629.837	24.288.085.226

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
Doanh thu khai thác cầu cảng	27.600.000.000	27.600.000.000
Doanh thu cho thuê bãi	12.776.872.035	12.318.533.913
Cộng	40.376.872.035	39.918.533.913
b) Doanh thu đối với bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	29.801.191.200	28.463.936.190
Cộng	29.801.191.200	28.463.936.190
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê cầu cảng	8.855.594.065	8.932.858.831
Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê kho bãi	1.228.206.806	1.168.482.986
Cộng	10.083.800.871	10.101.341.817
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	859.162.970	720.454.597
Cộng	859.162.970	720.454.597
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	201.474.389	1.582.044.236
Cộng	201.474.389	1.582.044.236
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	1.843.616.205	1.754.675.840
Chi phí nguyên vật liệu	13.838.266	9.187.502
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.531.937	1.818.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	42.201.963	-
Thuế, phí và lệ phí	187.249.360	99.116.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.251.222	146.393.529
Chi phí bằng tiền khác	536.775.663	530.796.621
Cộng	2.788.464.616	2.541.988.552

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	28.085.108.798	26.556.054.565
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.116.898.989	332.440.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.116.898.989	332.440.000
Thu nhập chịu thuế	29.202.007.787	26.888.494.565
Thuế suất áp dụng	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.920.200.779	2.688.849.457
Thuế được giảm	(1.460.100.390)	(1.344.424.729)
Thuế được giảm 30% theo ND114/2020/ND-CP	(438.030.117)	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	64.014.674	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.086.084.946	1.344.424.728

Công ty được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% áp dụng trong thời gian là 15 năm (Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Công ty được miễn 4 năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Năm 2020 là năm thứ 11 doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất là 10% và là năm thứ 6 được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm nay, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2020.

7. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.101.573.676	25.211.629.837
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(785.945.637)	(731.137.265)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.315.628.039	24.480.492.572
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.792.275	10.792.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.438	2.268

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.315.628.039	24.480.492.572
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	26.315.628.039	24.480.492.572
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.792.275	10.792.275
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	10.792.275	10.792.275
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.438	2.268

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.370.203	11.005.684
Chi phí nhân công	1.843.616.205	1.754.675.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.282.640.975	5.143.184.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.173.862.441	5.203.667.346
Chi phí khác bằng tiền	536.775.663	530.796.621
Cộng	12.872.265.487	12.643.330.369

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	118.596.164	97.199.042
Phải trả cổ tức	15.183.116	85.824.007

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	97.199.042	61.560.274
Phải trả cổ tức năm trước đã trả trong năm	85.824.007	103.363.203

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	606.850.644	606.850.644
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.427.402.576	2.427.402.576
Sau 5 năm	20.538.690.210	21.145.540.854
Cộng	<u>23.572.943.430</u>	<u>24.179.794.074</u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê 121.560 m² đất bao gồm 12.761,5 m² đất chuyên dùng và 108.798,5 m² đất mặt nước thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn để xây dựng cảng container 30.000 DWT theo Hợp đồng thuê đất số 112/HĐ-TĐ ngày 5 tháng 11 năm 2009 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn thuê từ ngày 14 tháng 10 năm 2009 đến ngày 14 tháng 10 năm 2059.
- Tiền thuê 1.038,5 m² đất tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn để xây dựng văn phòng theo Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ-TĐ ngày 19 tháng 02 năm 2011 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn thuê từ ngày 10 tháng 01 năm 2011 đến ngày 10/01/2061.

Các đơn giá đất ổn định trong 5 năm đầu và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	40.298.295.720	35.060.438.820
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	140.136.602.600	124.440.001.640
Sau 5 năm	27.600.000.000	55.200.000.000
Cộng	<u>208.034.898.320</u>	<u>214.700.440.460</u>

Các khoản cho thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền cho Công ty TNHH Hào Hưng Long An thuê 22.366 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng (trước ngày 10 tháng 8 năm 2019) và 14.527 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng (từ ngày 10 tháng 8 năm 2019) theo Hợp đồng kinh tế số 2503/2013/HĐKT ngày 25 tháng 3 năm 2013 kèm theo Hợp đồng điều chỉnh, bổ sung số 0208/2019/ĐCBS-HĐKT ngày 02 tháng 8 năm 2019 để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời và lắp đặt hệ thống băng tải để chuyên dầm xuống tàu. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tiền cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thuê 7.839 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng kinh tế số 168/THO/2019/02B ngày 10 tháng 8 năm 2019 để lắp đặt 02 hệ thống cầu nâng xe tải, băng tải làm hàng dầm gỗ và chứa hàng. Thời gian thuê từ ngày 10 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 4 năm 2023.
- Tiền cho Công ty TNHH Sản xuất Dầm gỗ Bình Định thuê 19.980 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng thuê một phần diện tích mặt bằng bãi cảng để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời ngày 01 tháng 4 năm 2010 kèm theo Hợp đồng điều chỉnh bổ sung số 16-03/ĐCBS-HĐKT ngày 16 tháng 3 năm 2020. Thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.
- Tiền cho Công ty TNHH Sản xuất Dầm gỗ Bình Định thuê 19.980 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng thuê một phần diện tích mặt bằng bãi cảng để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời ngày 01 tháng 4 năm 2010, thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010. Thời hạn thuê được gia hạn 5 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Hợp đồng điều chỉnh bổ sung số 16-03/ĐCBS-HĐKT ngày 16 tháng 3 năm 2020.
- Tiền cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác sử dụng hạ tầng cầu cảng của Công ty bao gồm các hạng mục cầu tàu - kê sau cầu, hệ thống điện chiếu sáng cầu cảng và đường kết nối từ cầu cảng của Công ty đến cầu cảng của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo Hợp đồng số 168/2017/HĐKT ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các phụ lục có liên quan. Thời hạn cho khai thác sử dụng là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các đơn giá cho thuê ổn định trong 5 năm đầu và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo theo các thỏa thuận giữa các bên, riêng đơn giá cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác sử dụng hạ tầng cầu cảng được xác định theo từng năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Mối quan hệ

Cổ đông góp vốn (tỷ lệ 16,68%)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức	2.880.000.000	2.880.000.000
Doanh thu cho thuê bãi và khai thác cầu cảng	29.801.191.200	28.463.936.190
Tiền thuê nhà, tiền điện phải trả	94.203.079	66.420.697

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn</i>		
Phải thu tiền cho thuê bãi và khai thác cầu cảng	2.731.775.860	2.731.775.860

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng	1.076.975.532	1.042.536.455
Thù lao	135.600.000	130.200.000
Cộng	<u>1.212.575.532</u>	<u>1.172.736.455</u>

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	-	7.190.462.397
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(22.263.077.358)	(3.672.006.528)
Nợ thuần	(22.263.077.358)	3.518.455.869
Vốn chủ sở hữu	169.182.448.389	160.079.651.978
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>(0,13)</u>	<u>0,02</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.263.077.358	22.263.077.358	3.672.006.528	3.672.006.528
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	12.300.000.000	12.300.000.000
Phải thu của khách hàng	3.709.689.124	3.709.689.124	3.874.220.586	3.874.220.586
Phải thu khác	118.596.164	118.596.164	97.199.042	97.199.042
Cộng	<u>26.091.362.646</u>	<u>26.091.362.646</u>	<u>19.943.426.156</u>	<u>19.943.426.156</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	752.412.613	752.412.613	760.492.613	760.492.613
Chi phí phải trả	2.305.791.727	2.305.791.727	2.305.791.727	2.305.791.727
Phải trả khác	315.183.116	315.183.116	385.824.007	385.824.007
Các khoản vay	-	-	7.190.462.397	7.190.462.397
Cộng	3.373.387.456	3.373.387.456	10.642.570.744	10.642.570.744

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là khai thác cầu cảng và cho thuê bãi, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty chỉ có 3 khách hàng quen thuộc và Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi nợ, không có nợ quá hạn khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.263.077.358	-	22.263.077.358
Phải thu của khách hàng	3.709.689.124	-	3.709.689.124
Phải thu khác	118.596.164	-	118.596.164
Cộng	26.091.362.646	-	26.091.362.646
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả cho người bán	752.412.613	-	752.412.613
Chi phí phải trả	2.305.791.727	-	2.305.791.727
Phải trả khác	15.183.116	300.000.000	315.183.116
Các khoản vay	-	-	-
Cộng	3.073.387.456	300.000.000	3.373.387.456
Chênh lệch thanh khoản thuần	23.017.975.190	(300.000.000)	22.717.975.190

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.672.006.528	-	3.672.006.528
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.300.000.000	-	12.300.000.000
Phải thu của khách hàng	3.874.220.586	-	3.874.220.586
Phải thu khác	97.199.042	-	97.199.042
Cộng	19.943.426.156	-	19.943.426.156
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả cho người bán	760.492.613	-	760.492.613
Chi phí phải trả	2.305.791.727	-	2.305.791.727
Phải trả khác	85.824.007	300.000.000	385.824.007
Các khoản vay	7.190.462.397	-	7.190.462.397
Cộng	10.342.570.744	300.000.000	10.642.570.744
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.600.855.412	(300.000.000)	9.300.855.412

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bình Định, ngày 25 tháng 02 năm 2021



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính